

Số: /QĐ-NTĐ

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai thực hiện dự toán thu – chi ngân sách
6 tháng đầu năm 2024 của trường THPT chuyên năng khiếu TDTT
Nguyễn Thị Định

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG THPT CHUYÊN NĂNG KHIẾU TDTT NGUYỄN THỊ ĐỊNH

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 4244/QĐ-SGDĐT ngày 27 tháng 12 năm 2023 của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2024;

Xét đề nghị của bộ phận Kế toán;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai thực hiện dự toán thu – chi ngân sách 6 tháng đầu năm 2024 của trường THPT chuyên năng khiếu TDTT Nguyễn Thị Định;

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký;

Điều 3. Bộ phận kế toán tổ chức thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Lưu: VT, TV.

HIỆU TRƯỞNG

Lê Quang Ninh

Đơn vị: TRƯỜNG THPT CHUYÊN NK TDTT
NGUYỄN THỊ ĐỊNH
Chương: 422

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
....., ngày tháng năm

CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU-CHI NGÂN SÁCH

Từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/6/2024

(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ sau:

Đơn vị tính: Đồng

STT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện quý/6 tháng/năm	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý (6 tháng, năm) này so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí				
I	Số thu phí, lệ phí				
1	Lệ phí				
2	Phí				
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại				
1	Chi sự nghiệp				
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
2	Chi quản lý hành chính				
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ				
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước				
1	Lệ phí				
2	Phí				
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước		13.843.115.805		
I	Nguồn ngân sách trong nước		13.843.115.805		
1	Chi quản lý hành chính				
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ				
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ				
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ				
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia				
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ				
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở				
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng				
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				

Đơn vị: TRƯỜNG THPT CHUYÊN NK TDTT
NGUYỄN THỊ ĐỊNH
Chương: 422

STT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện quý/6 tháng/năm	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý (6 tháng, năm) này so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề		13.843.115.805		
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên		8.636.495.450		
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên		5.206.620.355		
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình				
4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
4.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
5	Chi bảo đảm xã hội				
5.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
5.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
6	Chi hoạt động kinh tế				
6.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
6.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường				
7.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
7.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin				
8.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
8.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn				
9.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
9.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao				
10.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
10.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
II	Nguồn vốn viện trợ				
1	Chi quản lý hành chính				
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề				
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình				
5	Chi bảo đảm xã hội				
6	Chi hoạt động kinh tế				
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường				
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin				
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn				
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao				

Đơn vị: TRƯỜNG THPT CHUYÊN NK TDTT
 NGUYỄN THỊ ĐỊNH
 Chương: 422

STT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện quý/6 tháng/năm	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý (6 tháng, năm) này so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6
III	Nguồn vay nợ nước ngoài				
1	Chi quản lý hành chính				
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề				
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình				
5	Chi bảo đảm xã hội				
6	Chi hoạt động kinh tế				
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường				
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin				
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn				
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao				

Ngày tháng năm

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
 (Chữ ký, dấu)

Lê Quang Ninh

BÁO CÁO CHI TIẾT CHI TỪ NGUỒN NSNN VÀ NGUỒN PHÍ ĐƯỢC KHẤU TRỪ, ĐỂ LẠI

Từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/6/2024

Đơn vị tính: Đồng

Loại	Khoản	Mục	Tiểu mục	Nội dung chi	Tổng số	Nguồn ngân sách nhà nước			Nguồn phí được khấu trừ, để lại	Nguồn hoạt động khác được để lại
						Ngân sách trong nước	Viện trợ	Vay nợ nước ngoài		
A	B	C	D	E	1	2	3	4	5	6
				I. Kinh phí thường xuyên/tự chủ	8.636.495.450	8.636.495.450				
		6000		Tiền lương	4.246.413.575	4.246.413.575				
			6001	Lương theo ngạch, bậc	4.246.413.575	4.246.413.575				
		6100		Phụ cấp lương	2.461.557.600	2.461.557.600				
			6101	Phụ cấp chức vụ	74.520.000	74.520.000				
			6107	Phụ cấp nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6.480.000	6.480.000				
			6112	Phụ cấp ưu đãi nghề	2.048.468.400	2.048.468.400				
			6113	Phụ cấp trách nhiệm theo nghề, theo công việc	329.400.000	329.400.000				
			6115	Phụ cấp thâm niên vượt khung, phụ cấp thâm niên nghề	2.689.200	2.689.200				
		6300		Các khoản đóng góp	1.016.054.519	1.016.054.519				
			6301	Bảo hiểm xã hội	756.636.455	756.636.455				
			6302	Bảo hiểm y tế	129.709.032	129.709.032				
			6303	Kinh phí công đoàn	86.472.684	86.472.684				
			6304	Bảo hiểm thất nghiệp	43.236.348	43.236.348				
		6400		Các khoản thanh toán khác cho cá nhân	221.400.000	221.400.000				
			6449	Chi khác	221.400.000	221.400.000				
		6500		Thanh toán dịch vụ công cộng	558.778.756	558.778.756				
			6501	Tiền điện	226.150.712	226.150.712				

Mã chương: 422

Đơn vị báo cáo: TRƯỜNG THPT CHUYÊN NK TDTT NGUYỄN THỊ ĐỊNH

Mã ĐVQHNS: 1076008

Loại	Khoản	Mục	Tiểu mục	Nội dung chi	Tổng số	Nguồn ngân sách nhà nước			Nguồn phí được khấu trừ, để lại	Nguồn hoạt động khác được để lại
						Ngân sách trong nước	Viện trợ	Vay nợ nước ngoài		
A	B	C	D	E	1	2	3	4	5	6
			6502	Tiền nước	332.628.044	332.628.044				
		6700		Công tác phí	18.000.000	18.000.000				
			6704	Khoản công tác phí	18.000.000	18.000.000				
		7000		Chi phí nghiệp vụ chuyên môn của từng ngành	98.091.000	98.091.000				
			7001	Chi mua hàng hóa, vật tư	98.091.000	98.091.000				
		7850		Chi cho công tác Đảng ở tổ chức Đảng cơ sở và các cấp trên cơ sở, các đơn vị hành chính, sự nghiệp	16.200.000	16.200.000				
			7854	Chi thanh toán các dịch vụ công cộng, vật tư văn phòng, thông tin tuyên truyền, liên lạc, chi đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ, công tác Đảng, các chi phí Đảng vụ khác và phụ cấp cấp ủy	16.200.000	16.200.000				
				II. Kinh phí không thường xuyên/không tự chủ	5.206.620.355	5.206.620.355				
		6100		Phụ cấp lương	506.261.233	506.261.233				
			6115	Phụ cấp thâm niên vượt khung, phụ cấp thâm niên nghề	506.261.233	506.261.233				
		6150		Học bổng và hỗ trợ khác cho học sinh, sinh viên, cán bộ đi học	39.150.000	39.150.000				
			6157	Hỗ trợ đối tượng chính sách chi phí học tập	39.150.000	39.150.000				
		6300		Các khoản đóng góp	118.971.475	118.971.475				
			6301	Bảo hiểm xã hội	88.595.776	88.595.776				
			6302	Bảo hiểm y tế	15.187.823	15.187.823				
			6303	Kinh phí công đoàn	10.125.235	10.125.235				
			6304	Bảo hiểm thất nghiệp	5.062.641	5.062.641				

Mã chương: 422
Đơn vị báo cáo: TRƯỜNG THPT CHUYÊN NK TDTT NGUYỄN THỊ ĐỊNH
Mã ĐVQHNS: 1076008

Loại	Khoản	Mục	Tiểu mục	Nội dung chi	Tổng số	Nguồn ngân sách nhà nước			Nguồn phí được khấu trừ, để lại	Nguồn hoạt động khác được để lại
						Ngân sách trong nước	Viện trợ	Vay nợ nước ngoài		
A	B	C	D	E	1	2	3	4	5	6
		6400		Các khoản thanh toán khác cho cá nhân	3.214.557.647	3.214.557.647				
			6449	Chi khác	3.214.557.647	3.214.557.647				
		7750		Chi khác	1.327.680.000	1.327.680.000				
			7766	Cấp bù học phí cho cơ sở giáo dục đào tạo theo chế độ	1.327.680.000	1.327.680.000				
				Tổng cộng	13.843.115.805	13.843.115.805				

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký, họ và tên)

KẾ TOÁN TRƯỞNG
(Ký, họ và tên)

Ngày tháng năm
THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Bùi Đức Nghĩa

Bùi Đức Nghĩa

Lê Quang Ninh